

Triết Học Lý Đông A Và Luật Quốc Tế Nhân Quyền

Vào thời kỳ trình độ y học của thế giới còn mù mờ, mỗi lần phải đương đầu với những trường hợp tử vong khó hiểu của con người, các nguyên nhân sau đây thường được mang ra để giải thích: nạn nhân bị trúng gió, nạn nhân bị bùa ma, ngải quỷ, nạn nhân bị thần linh quở phạt... Dĩ nhiên những giải thích như vừa kể không làm người nghe hài lòng. Người ta cãi nhau bất tận... Ngày nay y khoa đã được khoa học hoá vượt bậc, những tranh cãi kia không còn nữa. Từ y khoa của khoa học thực nghiệm, chúng ta hãy hướng sự suy nghĩ về khoa học nhân văn. Kinh tế học có qui luật kinh tế. Tâm lý học có qui luật tâm lý. Xã hội học có qui luật xã hội. Luật học có qui luật luật học. Sử học có qui luật lịch sử, còn gọi là lịch sử quan... Cao điểm của những khám phá khoa học là qui luật khoa học. Nhờ vào tính khoa học của qui luật, những tranh cãi không cần thiết trong khoa học nhân văn đã được giảm thiểu quan trọng.

Luật quốc tế nhân quyền là một bộ phận của khoa học nhân văn. Về mặt luật học, Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền không là một văn kiện pháp lý có tính cưỡng hành. Vì vậy, năm 1993 tại Vienna, khoảng 170 quốc gia cùng với một ngàn (1000) tổ chức bảo vệ nhân quyền phi chính phủ (NGO) đã cùng nhau pháp lý hóa Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền bằng cách xác nhận Luật Quốc Tế Nhân Quyền bao gồm ba văn kiện: Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền 1948 và hai Công Ước Quốc Tế Nhân Quyền 1966 về Dân Sự Chính Trị và về Kinh Tế-Văn Hóa-Xã Hội.

Nói tới nhân quyền, người ta thường mạnh mẽ khẳng định: Nhân quyền là quyền được sống như một con người. Thế nhưng, sống như thế nào mới được gọi là **sống như một con người?** Đây là câu hỏi đã biến nhân quyền trở thành đề tài của những tranh cãi bất tận giữa con người với con người trong rất nhiều thập niên qua. Đây là câu hỏi chỉ được giải đáp một cách thoả đáng chừng nào câu trả lời được sự hỗ trợ thích nghi của những qui luật chi phối đời sống của con người. Bằng cách nào con người khám phá ra qui luật sống-như-một-con-người? Phép phân tích và tổng hợp của khoa lý luận trả lời rằng: những phân tích về vô số tình huống sống trong thực tiễn của đời người sẽ cho chúng ta những tư tưởng tổng hợp. Những tổng hợp kia được xếp thành ba khối vấn đề:

- 1) Cội nguồn và vị trí của con người trong đại vũ trụ. Bản thể của con người.

- 2) Loài người sống trong sự chi phối của tự nhiên giới, tư tưởng giới và xã hội giới. Vì vậy, qui luật sống của con người bao gồm: qui luật tự nhiên, qui luật tư tưởng, qui luật xã hội.
- 3) Cấu trúc của xã hội sao cho phù hợp với nhu cầu thực thi “quyền được sống như một con người”. Cấu trúc kim tự tháp cần được thay thế bằng cấu trúc hạch tâm.

Ba khối vấn đề kể trên tác động lẫn nhau làm cho **qui luật sống** của con người thường hằng gắn bó với đời sống thực tiễn, không bao giờ rơi vào tình trạng tiền hậu bất nhất. Qui luật sống vừa là sự giải thích dành cho nhóm chữ “sống như một con người”, vừa là công cụ lý luận giúp con người cân đo để nhận biết sống thế nào là “sống như một con người”. Công việc cân đo kia chẳng khác nào công việc của tòa án khi tòa cân đo các yếu tố tội phạm của một tội danh nhằm tìm hiểu xem bị can có thực sự vi phạm tội danh đã bị truy tố hay không. Vận dụng phương pháp cân đo vừa kể để lượng giá từng điều khoản của toàn bộ luật quốc tế nhân quyền, con người sẽ dễ dàng đồng ý với nhau rằng: quả thực luật quốc tế nhân quyền hoàn toàn phù hợp với qui luật sống của con người, phù hợp với điều được minh xác là “sống như một con người”. Sự việc đồng ý như vừa trình bày đã đưa luật quốc tế nhân quyền từ “đa phương luận” tiến lên “thống nhất luận”. Như vậy phép phân tích và tổng hợp của khoa lý luận, cụ thể là qui luật sống, đã biến lời mở đầu của Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền 1948 thành hiện thực: **“Một quan niệm chung về tự do và nhân quyền là điều tối quan trọng để thực hiện trọn vẹn cam kết tôn trọng nhân quyền”**.

Những điều trình bày ở trên nhằm diễn tả một cách khái quát tính khoa học và hữu dụng của qui luật sống của loài người. Thắc mắc kế tiếp là câu hỏi rằng: Ai là người đã khám phá ra qui luật sống của loài người? Nhà tư tưởng Lý Đông A hiện ngang trả lời:

Tác giả vô danh là gốc đạo,
Noãn Bào Trăm Họ, ấy giềng người
 (“Đạo Trường Ngâm”, Lý Đông A)

Thơ kia hàm ý rằng: Tư tưởng về bản thể của loài người, về qui luật sống và về phương pháp xây dựng xã hội sống dành cho loài người là tư tưởng được ghi nhận từ muôn người. Muôn người ở đây là tác giả vô danh. Muôn người ở đây là chủng tộc “Noãn Bào Trăm Họ”. Muôn người ở đây là dân tộc Việt. Khởi đi từ tư tưởng Việt, tác giả Lý Đông A đã tập đại thành tư tưởng Kim Cổ, Đông Tây để đưa những suy nghĩ Việt lên tầm vóc một hệ thống triết học có khả năng vừa giải thích toàn bộ đời sống của loài người trên căn bản “dân tộc tính và nhân loại toàn tính thống nhất” vừa chỉ ra các phương pháp biến ước mơ được “sống như một con người” thành hiện thực của đời sống.

Bây giờ hãy nói về mối liên hệ giữa triết học và nhân quyền. Phàm làm bất kỳ công việc gì, con người cần phải học rồi mới hành. Nói đúng hơn, học và hành bổ túc lẫn cho nhau. Một tỉ dụ luận: học về sức khoẻ tâm sinh lý của con người để hiểu biết bệnh cao huyết áp chẳng hạn. Hành đối với bệnh này là phương pháp cấp cứu bệnh nhân cao huyết áp cùng phép trị bệnh.

Trở về với địa bàn nhân quyền. Học nhân quyền tức là học về vị trí của con người trong đại vũ trụ, về qui luật sống người, và về cấu trúc xã hội người. Nói ngắn và gọn: học nhân quyền chính là học để hiểu biết chi tiết, cụ thể, chính xác và toàn diện: sống như thế nào được gọi là "sống như một con người". Đây chính là nội dung của triết học Lý Đông A, triết học Việt. **Học nhân quyền là học Việt triết.**

Vậy thì "hành" nhân quyền có nghĩa là gì?

Nhìn một cách chung nhất, trên mọi lãnh vực của đời sống, luật pháp bao giờ cũng bao gồm hai loại mệnh lệnh: lệnh cấm làm và lệnh buộc phải làm. Nói tới luật là nói tới nghĩa vụ làm theo luật. Luật quốc tế nhân quyền là luật làm nhân quyền, luật "hành" nhân quyền. Như vậy **hành nhân quyền hiển nhiên là thực thi luật quốc tế nhân quyền.**

Học nhân quyền phải đi với hành nhân quyền. Vì vậy, Việt Triết (triết học Lý Đông A) và luật quốc tế nhân quyền như hai mặt không thể tách rời của một bàn tay. **Học-đi-với-hành** là phương pháp duy nhất hữu hiệu giúp luật quốc tế nhân quyền tiến tới một quan niệm chung, một thống nhất luận [...] đúng theo lời kêu gọi của Liên Hiệp Quốc ghi trong Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền ngày 10/12/1948.

Đỗ Thái Nhiên
(2014)